HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC MÔNG CỔ

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC

TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ

ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC MÔNG CỔ,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, đã thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2. CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở, hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh vào tổng số tiền lương hoặc tiền công do các xí nghiệp trả cũng như các loại thuế đánh vào phần vốn tăng thêm đều được coi là các loại thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế lợi tức; và
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Mông cổ:

(i) thuế thu nhập cá nhân; và
(ii) thuế thu nhập công ty;

(dưới đây được gọi là "thuế Mông cổ").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế được ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi một sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam và mọi vùng ở ngoài và đi liền với lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp Việt nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Mông cổ" khi dùng theo nghĩa địa lý, có nghĩa là lãnh thổ Mông cổ và bất kỳ vùng nào mà tại đó luật thuế Mông cổ có hiệu lực áp dụng, và trong phạm vi đó Mông cổ thực hiện các quyền chủ quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên phù hợp với luật quốc tế;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Mông cổ tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch của một Nước" có nghĩa:

(i) tất cả các cá nhân mang quốc tịch của một Nước ký kết;
(ii) tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và các hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy, máy bay hoặc phương tiện vận tải đường sắt được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy, máy bay hoặc phương tiện vận tải đường sắt đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và
(ii) trong trường hợp đối với Mông cổ, là Bộ Trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4. ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, địa điểm thành lập hoặc bất cứ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, từ này không bao gồm bất kỳ một đối tượng nào chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống tại cả hai Nước hay không thường sống tại Nước nào thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của Nước nào thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi có địa điểm thành lập của đối tượng đó.

Điều 5. CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;
b. chi nhánh;
c. văn phòng;
d. nhà máy;
e. xưởng;
f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác;
g. nhà kho.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, công trình lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các địa điểm, công trình trên nhưng chỉ trong trường hợp địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài với thời hạn hơn sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả các dịch vụ tư vấn của một xí nghiệp thông qua những người làm công cho xí nghiệp hay đối tượng khác được xí nghiệp ủy nhiệm thực hiện việc cung cấp các dịch vụ trên, nhưng chỉ trong trường hợp những hoạt động mang tính chất nói trên kéo dài (trong cùng một dự án hay một dự án có liên quan) tại một Nước trong một thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng liên tục.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị cho xí nghiệp.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản, từ đó đối tượng trên thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hay tài sản thay mặt cho xí nghiệp.

6/ Mặc dù đã có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức bảo hiểm đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước kia hay thực hiện bảo hiểm các rủi ro nằm tại Nước đó thông qua một đối tượng không phải là đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên khi các hoạt động của đại lý đó được giành toàn bộ hay hầu hết cho hoạt động đại diện cho xí nghiệp đó thì đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6. THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản. Trong mọi trường hợp, thuật ngữ này sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, dàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo những quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hay thay đổi dưới dạng tiền công trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, máy bay và phương tiện vận tải đường sắt không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7. LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Các khoản lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

a. cơ sở thường trú đó;

b. việc bán tại Nước kia những hàng hóa cùng loại hay tương tự với hàng hóa bán qua cơ sở thường trú; hay

c. các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú này bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung, cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên sẽ không cho phép trừ các chi phí bất kỳ các khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ

riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp đối với tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ khi là khoản thanh toán chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để được sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp vay, trừ trường hợp đối với tổ chức ngân hàng.

4/ Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong các trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để có thể xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện luật trên sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép, phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

5/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng phải đưa ra kết quả phù hợp với các nguyên tắc tại Điều này.

6/ Theo nội dung những khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp tính.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

Điều 8. VẬN TẢI BIỂN, VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VÀ ĐƯỜNG SẮt

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy, máy bay và phương tiện vận tải đường sắt trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9. NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

Điều 10. TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia tiền lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập hay lợi tức từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

Điều 11. LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng khoản tiền lãi này thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh:

a. tại Việt nam và được trả cho Chính phủ, một cơ quan chính quyền cơ sở hay một chính quyền địa phương của Mông cổ hay trả cho Ngân hàng Trung ương Mông cổ hay Ngân hàng phát triển và Thương mại Mông cổ sẽ được miễn thuế Việt nam;

b. tại Mông cổ và được trả cho Chính phủ, một cơ quan chính quyền địa phương của Việt nam hay trả cho Ngân hàng Nhà nước Việt nam sẽ được miễn thuế Mông cổ.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp nhưng không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu đối tượng thực hưởng lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với: (a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó; hoặc (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 , tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi tiền cho vay liên quan đến khoản nợ phải trả tiền lãi, vượt quá khoản tiền có thể đã được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12. TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền, thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc (b) những hoạt động kinh doanh ghi tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp như vậy các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13. PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1/ Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản phí dịch vụ kỹ thuật này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng khoản phí dịch vụ này thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản phí dịch vụ kỹ thuật.

3/ Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được dùng ở Điều này có nghĩa là các khoản tiền dưới bất kỳ dạng nào trả cho một đối tượng, trừ trường hợp trả cho người làm thuê của đối tượng trả tiền, có liên hệ tới các hoạt động dịch vụ có tính chất kỹ thuật, quản lý hoặc tư vấn.

4/ Các quy định của khoản 1 và 2 Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản phí dịch vụ kỹ thuật là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi các khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và các khoản phí dịch vụ kỹ thuật có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú đó hay cơ sở cố định đó, hoặc (b) những hoạt động kinh doanh ghi tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp như vậy các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Các khoản phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả phí chính là Nhà nước đó, một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả phí dịch vụ kỹ thuật, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh, và khoản phí dịch vụ kỹ thuật do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản phí dịch vụ kỹ thuật như vậy sẽ được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi đặt cơ sở thường trú hay cơ sở cố định.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả 2 đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản phí dịch vụ kỹ thuật khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp như vậy, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14. LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản, như đã nêu tại Điều 6, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có bất động sản đó.

2/ Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết này có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy, máy bay hoặc phương tiện vận tải đường sắt do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong hoạt động vận tải quốc tế hay lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy, máy bay hoặc phương tiện vận tải đường sắt đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi xí nghiệp là đối tượng cư trú.

4/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hay các quyền lợi khác của một công ty mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hay chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản được nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 15. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ những trường hợp sau đây, thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. Nếu đối tượng cư trú đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động trên; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

b. Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong khoảng thời gian đến hay vượt quá 183 ngày trong giai đoạn 12 tháng liên tục có liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 16. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 17, 19 và 20 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền thu được từ lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. đối tượng nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng liên tục có liên quan, và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy, máy bay hoặc phương tiện vận tải đường sắt do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

Điều 17. THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc hay của một tổ chức tương tự của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 18. NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 15 và 16.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do người trình diễn hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của cả hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 19. TIỀN LƯƠNG HƯU

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 20, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

2/ Mặc dù đã có quy định tại khoản 1, tiền lương hưu hoặc các khoản tiền tương tự khác do Chính phủ của một Nước ký kết hay cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả theo một chương trình của Nhà nước là một phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

Điều 20. PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu công việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc
(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này vừa là đối tượng cư trú, vừa là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3/ Các quy định của Điều 16, 17 và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc phục vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 21. SINH VIÊN

1/ Một sinh viên, thực tập sinh hay học viên học nghề là người ngay trước khi đến một Nước ký kết đã và đang là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là người hiện đang có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập, đào tạo sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với các khoản tiền hay thu nhập dưới đây do người sinh viên, thực tập sinh hay học viên đó nhận được hay thu được để trang trải chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo:

a. khoản tiền thu được từ các nguồn ở ngoài Nước ký kết đó để trang trải chi phí sinh hoạt, học tập, nghiên cứu hay đào tạo; và

b. các khoản trợ cấp, học bổng hay giải thưởng do Chính phủ hay một tổ chức khoa học, giáo dục, văn học hay tổ chức phi lợi nhuận trao tặng.

2/ Mặc dù đã có quy định của Điều 15 và 16 tiền công trả cho các dịch vụ do một sinh viên, thực tập sinh hay học viên thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện các hoạt động dịch vụ như vậy có liên hệ đến việc học tập hay đào tạo của người sinh viên, thực tập sinh hay học viên đó.

Điều 22. GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1/ Một cá nhân, người đang hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích giảng dạy, thuyết trình, hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường phổ thông hay các cơ sở giáo dục hay các viện nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất công nhận sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho việc giảng dạy, thuyết trình hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

2/ Điều này sẽ áp dụng đối với thu nhập từ việc nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó do một cá nhân thực hiện phục vụ cho lợi ích công và ngay từ ban đầu không phục vụ cho lợi ích của một hay một số đối tượng tư nhân khác.

Điều 23. THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền lợi hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3/ Mặc dù đã có quy định tại khoản 1 và 2, những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập tại những Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 24. CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

Việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được các khoản thu nhập từ Nước ký kết kia thì số thuế phải nộp tại Nước ký kết kia phù hợp với các quy định của Hiệp định này có thể được trừ vào số thuế mà đối tượng cư trú đó phải nộp tại Nước ký kết thứ nhất. Tuy nhiên, số thuế được trừ sẽ không vượt quá số thuế tại Nước ký kết thứ nhất được tính trên thu nhập đó phù hợp với các luật thuế và quy định về thuế của Nước ký kết đó.

b. Theo quy định về việc khấu trừ thuế tại một Nước ký kết được nêu tại điểm a Điều này, số thuế phải nộp tại Nước ký kết kia sẽ bao gồm bất kỳ số thuế nào được miễn hay giảm theo luật pháp trong nước của Nước ký kết kia.

Điều 25. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn hình thức thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng các khoản miễn thu cá nhân, miễn thuế và giảm thuế căn cứ vào tư cách dân sự hay trách nhiệm gia đình mà Nước đó cho đối tượng cư trú tại Nước mình được hưởng.

3/ Các quy định tại khoản 2 Điều này sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt nam và không áp dụng đối với các loại thuế Việt nam liên quan tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

4/ Không có nội dung nào tại Điều này sẽ được giải thích là buộc từng Nước ký kết cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ các khoản miễn thu hay các khoản miễn thuế và giảm thuế cá nhân trong khi tính thuế mà Nước đó cho các cá nhân là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng.

5/ Mặc dù đã có các quy định của Điều này, trong thời gian Việt nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt nam, trong đó quy định chi tiết hình thức thuế nhà đầu tư phải nộp thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều này.

6/ Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này.

Điều 26. CÁC THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không phù hợp với những quy định tại Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng cùng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Hiệp định này. Hai bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp chưa được quy định trong Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ trao đổi để phát triển các thủ tục, điều kiện, biện pháp và kỹ thuật song phương thích hợp để thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương được qui định tại Điều này.

Điều 27. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này đặc biệt là trao đổi thông tin nhằm ngăn chặn hoặc phát hiện việc trốn lậu các loại thuế đó. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và thông tin đó chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

Điều 28. CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Những nội dung trong Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế dành cho các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

Điều 29. HIỆU LỰC

1/ Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước mình để đưa Hiệp định này vào hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.

2/ Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành tại hai Nước ký kết:

a. đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo;

b. đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong các năm dương lịch bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Điều 30. KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một trong hai Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết thông qua các đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn năm năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực thi hành tại hai Nước ký kết:

a. đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định, và trong các năm dương lịch tiếp theo;

b. đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Ulan Bator ngày ..9..tháng ..5.. năm 1996 mỗi bản gồm tiếng Việt, tiếng Mông cổ và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC MÔNG CỔ

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF MONGOLIA

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam
and
the Government of Mongolia,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income, have agreed as follows:

Article 1. PERSONAL SCOPE

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

Article 2. TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

(a) in Vietnam:

(i) the personal income tax;
(ii) the profit tax; and
(iii) the profit remittance tax;
(hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

(b) in Mongolia:

(i) the individual income tax; and
(ii) the corporate income tax;
(hereinafter referred to as "Mongolian tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

Article 3. GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial sea and any area beyond and adjacent to its territorial sea, within which Vietnam by Vietnamese legislation and in accordance with international law, has sovereign rights of exploration for and exploitation of natural resources of the sea bed and its sub-soil and superjacent watermass;

   (b) the term "Mongolia" means, when used in a geographical sense, the territory of Mongolia and any area in which the tax law of Mongolia is in force, insofar as Mongolia exercises in such area in conformity with international law, sovereign rights to exploit natural resources;

   (c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Mongolia as the context requires;

   (d) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

   (f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

   (g) the term "nationals" means:

      (i) all individuals possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) all legal persons, partnerships and associations deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship, aircraft or railway vehicle operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship, aircraft or railway vehicle is operated solely between places in the other Contracting State;

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative;
(ii) in the case of Mongolia, the Minister of Finance or his authorized representative.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that Contracting State concerning the taxes to which the Agreement applies.

Article 4. RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of incorporation or any other criterion of a similar nature. But this term does not include any person is liable to tax in that State in respect only of income from sources in that State.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1, a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of incorporation is situated.

Article 5. PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" shall include especially:

(a) a place of management;
(b) a branch;
(c) an office;
(d) a factory;
(e) a workshop;
(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources;
(g) a warehouse.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

(a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

(b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any 12-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

   (a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

   (b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

   (c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

   (d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise, or of collecting information for the enterprise;

   (e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

   (a) has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

   (b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, an insurance enterprise of a Contracting State shall, except in regard to re-insurance, be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it collects premiums in the territory of that other State or insures risks situated therein through a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies.

7. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6. INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships, aircraft or railway vehicles shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7. BUSINESS PROFIT

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to:

   (a) that permanent establishment;
   (b) sales in that other State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or
   (c) other business activities carried on in that other State of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person in cases where the information available to the competent authority of that State is inadequate to determine the profits to be attributed to a permanent establishment, provided that such law shall be applied, so far as the information available to the competent authority permits, consistently with the principles of this Article.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude such Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8. SHIPPING, AIR AND RAILWAY TRANSPORT

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships, aircraft or railway vehicles in international traffic shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

Article 9. ASSOCIATED ENTERPRISES

Where

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

Article 10. DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State, of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

Article 11. INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising:

   (a) In Vietnam and paid to the Government, a political subdivision or a local authority of Mongolia or to the Central Bank of Mongolia or to the Trade and Development Bank of Mongolia shall be exempt from Vietnamese tax;

   (b) In Mongolia and paid to the Government, a political subdivision or a local authority of Vietnam or to the State Bank of Vietnam shall be exempt from Mongolian tax.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political sub-division, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 12. ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial, or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 13. TECHNICAL FEES

1. Technical fees arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such technical fees may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the technical fees the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the technical fees.

3. The term "technical fees" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a technical, managerial or consultancy nature.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the technical fees, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the technical fees arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the technical fees are effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Technical fees shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority thereof, or a resident of that State. Where, however, the person paying the technical fees, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the obligation to pay the technical fees was incurred, and such technical fees are borne by such permanent establishment or fixed base, then such technical fees shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the technical fees paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 14. GAINS FROM THE ALIENATION OF PROPERTY

1. Gains from the alienation of immovable property, as defined in Article 6, may be taxed in the Contracting State in which such property is situated.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent professional services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains from the alienation of ships, aircraft or railway vehicles operated by an enterprise of a Contracting State in international traffic and movable property pertaining to the operation of such ships, aircraft or railway vehicles shall be taxable only in the State of which the enterprise is a resident.

4. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or other interests in a company, the assets of which consist wholly or principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

5. Gains from the alienation of any property other than that in paragraphs 1, 2, 3 and 4 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

Article 15. INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

(b) If his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in any 12-month period concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that other State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

Article 16. DEPENDENT PERSONAL SERVICE

1. Subject to the provisions of Articles 17, 19 and 20, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other Contracting State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any 12 month period concerned; and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State; and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration in respect of an employment exercised aboard a ship, aircraft or railway vehicle operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

Article 17. DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors or similar organ of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

Article 18. ENTERTAINERS AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theater, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 15 and 16, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or sportsmen who are residents of a Contracting State from activities in the other Contracting State under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting States shall be exempt from tax in that other Contracting State.

Article 19. PENSIONS

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 20, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, pensions paid and other similar payments made by the Government of a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof under a public scheme which is part the social security system of that Contracting State shall be taxable only in that Contracting State.

Article 20. GOVERNMENT SERVICE

1.

(a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or political subdivision or local authority shall be taxable only in that State.

(b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or
(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2.

(a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.

3. The provisions of Articles 16, 17 and 19 shall apply to remuneration or pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

Article 21. STUDENTS

1. A student, business apprentice or trainee who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education, training shall be exempt from tax in that first-mentioned State on the following payments or income received or derived by him for the purpose of his maintenance, education or training:

(a) payment derived from sources outside that Contracting State for the purpose of his maintenance, education, study, research or training; and

(b) grants, scholarships or awards supplied by the Government, or a scientific, educational, cultural or other non-profit organizations.

2. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, remuneration for services rendered by a student, a business apprentice or trainee in a Contracting State shall not be taxed in that State, provided that such services are in connection with his studies or training.

Article 22. TEACHERS, PROFESSORS AND RESEARCHERS

1. An individual who is, or immediately before visiting a Contracting State was, a resident of a Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution recognized by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned State, for a period of two years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

2. This Article shall apply to income from research if such research is undertaken by an individual for the public interest and not primarily for the benefit of some other private person or persons.

Article 23. OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting State not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting State may also be taxed in that other State.

Article 24. METHODS FOR THE ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

Double taxation shall be eliminated as follows:

(a) Where a resident of a Contracting State derives incomes from the other Contracting State the amount of tax which is payable in the other Contracting State in accordance with the provisions of this Agreement may be deducted from the tax imposed on that resident in the first-mentioned Contracting State. The amount of the deduction, however, shall not exceed the amount of tax in the first-mentioned Contracting State on that income computed in accordance with the taxation laws and regulations of that Contracting State;

(b) For the purposes of deduction of tax in a Contracting State mentioned in paragraph (a) of this Article, the amount of tax which is payable in the other Contracting State shall include any amount of tax exempted or reduced under the domestic legislation of that other Contracting State.

Article 25. NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities. This provision shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any person allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. The provisions of paragraph 2 of this Article shall not apply to the Vietnamese profit remittance tax and the Vietnamese taxation in respect of agricultural production activities.

4. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in that State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.

5. Notwithstanding the provisions of this Article, for so long as Vietnam continues to grant to investors licenses under the Law on Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subjected, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraphs 2 of this Article.

6. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

Article 26. MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which the person is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at an appropriate solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve any difficulties or doubts arising as to the application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs. The competent authorities, through consultation, shall develop appropriate bilateral procedures, conditions, methods and techniques for the implementation of the mutual agreement procedure provided for in this Article.

Article 27. EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement, in particular for the prevention or detection of evasion of such taxes. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes which are the subject of the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

Article 28. DIPLOMATIC AGENTS AND CONSULAR OFFICERS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

Article 29. ENTRY INTO FORCE

1. Each of the Contracting State shall notify to the other in writing through the diplomatic channel the completion of the procedures required by its legislation for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications.

2. This Agreement shall have effect in the Contracting States:

   (i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar year;

   (ii) in respect of other taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following that in which the Agreement enters into force and in subsequent calendar years.

Article 30. TERMINATION

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting States. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving to the other Contracting State written notice of termination at least six months before the end of any calendar year beginning after the expiry of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event the Agreement shall cease to have effect in the Contracting States:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January in the calendar year next following that in which the notice of termination is given and in any subsequent calendar years;

(ii) in respect of other taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year next following that in which the notice of termination is given, and in subsequent calendar years.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto, by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Ulan Bator this 9th day of ...May...1996.. each in the Vietnamese, Mongolian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF OF MONGOLIA

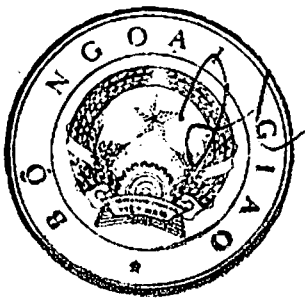
BỘ NGOẠI GIAO

Số: 53 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
(Để thực hiện)

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 1999

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng



Đỗ Hòa Bình

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Bộ Tài chính,
- Bộ Kế hoạch - ĐT,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tư pháp,
- Ngân hàng Nhà nước VN,
- Tổng cục Hải quan,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Mông Cổ,
- Vụ Châu Á 1,
- Vụ LPQT,
- Lưu trữ.

Ghi chú : *Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ nước Mông Cổ về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập đã có hiệu lực.*